

BẢNG GIÁ HÀNG SALE

- Truy cập website <u>THAK</u> để biết thêm về:

 Chương trình Sale Sản phẩm mới Lịch về hàng
- Đặt hàng tại: Website <u>THAK</u> hoặc inbox Fanpage <u>CHỢ SỶ THAK</u>







賞味期限: 2026/02/17

Phở Bò Đệ Nhất 64g

牛だしフォー 30袋/カートン

1個口: 4カートンミックス

2,980 **2,650円(税込)/カートン**

5個口以上 (từ 5 kiện): 2,600円(税込)



賞味期限: 2026/02/18

Phở Gà Đệ Nhất 64g

鶏だしフォー

30袋/カートン 1個口: 4カートンミックス

2,980 2,650円(税込)/カートン

5個口以上 (từ 5 kiện): 2,600円(税込)



賞味期限: 2026/06/19

Mì Hảo Hảo tôm chua cay 75g ハオハオトムチュアカイ

> 30袋/カートン 1個口: 10カートンミックス

1,800 **1650円(税込)/カートン**



賞味期限: 2026/01/14

Canh cải xoong tôm 35g エビとクレソンのスープ

5食分/箱 72箱/カートン 1個口: 1カートン

398 198円(税込)/箱



賞味期限: 2026/01/01

Canh rau thập cẩm nấm (canh tập tàng) 35g ミックス野菜とキノコのスープ

5食 分/箱 72箱/カートン 1個口: 1カ ート ン

398 198円(税込)/箱



賞味期限: 2026/10/21

Nước yến vị nguyên bản 190ml ツバメの巣入りドリン クオリジナル

> 30本 / カ ート ン 1個口: 5カートンミックス

> > 94 69円(税込)/本



賞味期限: 2026/03/13 Bột gạo 400g 米粉

22袋/カートン 1個口: 3カートンミックス

310 218円(税込)/袋



賞味期限: 2027/05/05

Bột bánh canh 250g バインカンの粉

50袋/カートン 1個口: 2カートンミックス

210 200円(税込)/袋



賞味期限: 2026/03/12

Bột bánh chuối hấp 250g 蒸しバナナ粉

30袋/カートン 1個口: 3カートンミックス

220 99円(税込)/袋



賞味期限: 2026/11/05

Bột nếp 500g もち粉

17袋/カートン 1個口: 3カートンミックス

420 398円(税込)/袋



賞味期限: 2026/03/12

Bột bánh giò 500g バインゾー粉(ベトナムの餅ケーキ)

> 16袋/カートン 1個口: 3カートンミックス

430 198円(税込)/袋



賞味期限: 2026/09/06

Bột chiến giòn phồng 150g から揚げ粉

40袋/カートン 1個口: 4カートンミックス

98 85円(税込)/袋



賞味期限: 2025/12/10

Bột cốt dừa 150g ココナッツミルクパウダー

60袋/カートン 1個口: 3カートンミックス



賞味期限: 2026/06/10

Bột bánh bèo 400g バインベオミックス粉

20袋/カートン 1個口: 3カートンミックス

380 298円(税込)/袋



賞味期限: 2026/03/17

Bột bánh bò 460g 蒸しパンミックス粉 19袋/カートン

1個口: 3カートンミックス

280 199円(税込)/袋



賞味期限: 2026/02/28

Bột bánh bao 400g 中華まん粉 22袋/カートン

22袋/ カートン 1個口: 3カートンミックス

250 99円(税込)/袋



賞味期限: 2026/05/14

Mực Bento xanh dương 20g (vị cay nóng) ベント、ホット &スパイシー

> 36袋/カートン 1個口: 2カートンミックス

150 135円(税込)/袋



賞味期限: 2026/05/14

Mực Bento xanh dương 4g (vị cay nóng)

ベント、ホット & スパイシー味 13袋/パック 24パック/カートン

1個口: 2カートンミックス

325 275円(税込)/袋



賞味期限: 2026/04/01

Nước lẩu bao tử hầm tiêu (2-3 người ăn) 胃腸&胡椒の鍋つゆ 36袋/カートン

1個口: 3カートンミックス

280 **75円(税込)/袋**



賞味期限: 2026/04/01

Nước lấu cua đồng (2-3 người ăn) カニ鍋つゆ 36袋/カートン 1個口: 3カートンミックス

280 75円(税込)/袋



賞味期限: 2025/11/04

Nước lẩu hải sản (2 người ăn) 海鮮鍋つゆ 36袋/カートン

1個口: 3カートンミックス

280 75円(税込)/袋



賞味期限: 2026/02/13

Trà Olong xoài 350ml マンゴーウーロン茶

24本/カートン 1個口: 3カートンミックス

98 49円(税込)/本



賞味期限: 2026/02/13

Trà vải 350ml ライチ茶

24本/カートン 1個口: 3カートンミックス

98 49円(税込)/本



賞味期限: 2026/04/20

Sứa tươi 350g/túi 40本/カートン

40本/ カートン 1個口: 2カートンミックス



Tổ ong/ Sách dê ヤギの胃腸

800 660y/kg



Ba chỉ bò - Túi CK 牛バラ

1,060 960y/kg



Nạm gầu bò nguyên tảng クロッド

1,598 1,540y/kg



Dồi trường túi ~ 5kg 豚コブクロ

830 650y/kg



Dồi trường túi CK ~ 1kg 豚コブクロ

900 778y/kg



Cốt lết không xương nguyên tảng 豚ロース(骨なし)

870 840y/kg



Ba chỉ da nguyên tảng 皮付き豚バラ(骨なし)

1,020 990y/kg

Ba chỉ da gia công:

- Cắt sẵn, chưa đóng túi: 1,005y/kg

- Túi thường ~1kg: 1,010y/kg

- Túi chân không ~1kg: 1,028y/kg

- Chọn nạc túi thường: 1,075y/kg

- Chọn nạc chân không: 1,090y/kg

Ba chỉ không da gia công:

- Cắt sẵn, chưa đóng túi: 1,000y/kg

- Túi thường ~1kg: 1,010y/kg

- Túi chân không ~1kg: 1,030y/kg



Ba chỉ không da nguyên tảng 豚バラ(皮・骨抜き)

1,040 960y/kg



Cá lóc làm sạch nguyên con (có đầu) ライギョ魚

860 398y/kg



Cá rô phi nguyên con ティラピア魚

680 630y/kg



Còi ốc bươu 450g/khay カタツムリ

405 283y/khay



Cá lóc cắt khúc 450g/khay ライギョ魚カット

435 188y/khay



Tép đồng 450g/khay 小エビ

445 **293y/kha**y



Cá giò biển ướp muối ớt túi ~ 500g

1,260 **808y/kg**



Cá thu phi lê đóng khay さわらフィレー

2,510 **2,008y/kg**



Cua đồng xay 200g/túi カニのピューレ

202 137y/túi



Chả cá thát lát 200g/túi ナイフフィッシュのすり身

322 118y/túi



Hạt mùi コリアンダー(原) 1個口: 20kgミックス

1,300 **1,120**円(税込)/kg



Hạt mắc khén 1個口: 20kgミックス

4,650 **3,550円(税込)**/kg



Đinh hương クローブ(原) 1個口: 20kgミックス

3,600 **2,980**円(税込)/kg



Tiêu đen hạt ブラックペッパー 1個口: 20kgミックス

2,400 **1,980円(税込)**/kg

PHÍ SHIP KHI MUA HÀNG SỈ ĐỦ KIỆN

Quý khách mua hàng đủ kiện hoặc ghép đủ kiện sẽ được áp dụng bao ship/ miễn ship theo quy định sau:

m* 1	Phí ship/ kiện	
Tinh	Đông/Mát	Thường
Vùng Chuubu:		
Niigata - Toyama - Ishikawa - Fukui - Yamanashi - Nagano - Gifu - Shizuoka - Aichi]	
Vùng Kansai:	Miễn ship Miễn sh	
Mie - Shiga - Kyoto - Osaka - Hyogo - Nara - Wakayama		
Vùng Kanto:		
Ibaraki - Tochigi - Gunma - Saitama - Chiba - Tokyo - Kanagawa		
Vùng Chuugoku:		
Tottori - Shimane - Okayama - Hiroshima - Yamaguchi	Phụ ship: 230	Miễn ship
Vùng Shikoku:		
Tokushima - Kagawa - Ehime - Kochi		
Vùng Touhoku (1):		
Miyagi - Yamagata - Fukushima		
Vùng Touhoku (2):	c	
Aomori - Iwate - Akita	Phụ ship: 380 Miễn ship	
Vùng Kyushu (1):		
Kumamoto - Miyazaki - Kagoshima		
Vùng Kyushu (2):	Dhu chin. 345	Miễn ship
Fukuoka - Saga - Nagasaki - Oita	Phụ ship: 345	Milen snip
Hokkaido	1,490	500

^{*}Khách Hokkaido là Pháp nhân: Miễn phụ ship thường

PHÍ SHIP KHI MUA HÀNG KHÔNG ĐỦ KIỆN

m² .	Phí ship/ kiện	
Tinh	Đông/Mát	Thường
Hokkaido	3,200	1,900
Các tỉnh còn lai	2,050	1,370

HÌNH THỨC THANH TOÁN: Thanh toán 1 trong 2 hình thức sau:

*Nhận hàng trả tiền (daibiki), phí thu hộ daibiki như sau:

Tổng tiền thu hộ/ daibiki	Mức phí
< 10,000	330
< 30,000	440
< 100,000	660
< 300,000	1,100
≥ 300,000	Chỉ nhận chuyển khoản trước tiền hàng

*Chuyển khoản trước vào tài khoản sau:

静岡銀行 (shizue	oka)
浜松営業支店(I	
	ティーエイチエーケー(カ

条件付き卸購入時の送料

条件を満たす場合、または条件を満たすように同梱された場合は、以下の規定に従って送料無料または送料割引が適用されます。

県名	配送料/箱	
** ** ** ** ** ** ** ** ** ** ** ** **	冷蔵・冷凍	
中部地方: 新潟・富山・石川・福井・山梨・長野・岐阜・静岡・愛知		
関西地方: 三重・滋賀・京都・大阪・兵庫・奈良・和歌山	送料無料	送料無料
関東地方 : 茨城・栃木・群馬・埼玉・千葉・東京・神奈川		
中国地方: 鳥取・島根・岡山・広島・山口	追加送料 :230円	
四国地方: 徳島・香川・愛媛・高知		送料無料
東北地方 (1) : 宮城・山形・福島		
東北地方 (2) : 青森・岩手・秋田	泊加送料 ⋅200円	\\\\\\\\\\\\\\\\\\\\\\\\\\\\\\\\\\\\\\
九州地方 (1) : 熊本・宮崎・鹿児島	追加送料 :380円	送料無料
九州地方 (2): 福岡・佐賀・長崎・大分	追加送料 :345円	送料無料
北海道	1,490	500

※北海道の法人のお客様は、常温送料が無料となります。

条件付き卸購入時の送料

旧夕	配送料/箱	
ホロ	冷蔵・冷凍	常温
北海道	3,200	1,900
その他の地域	2,050	1,370

お支払い方法: 以下の2つの方法のいずれかでお支払いください。

※代金引換 (daibiki) の場合、代引き手数料は以下の通りです。

代引金額/daibiki	手数料
<10,000	330
<30,000	440
<100,000	660
<300,000	1,100
≥ 300,000	銀行振込前払いのみ対応

※下記の口座に前払いでお振込みください。

静岡銀行 (Shizuoka)
浜松営業支店 (Hamamatsu)
普通: 1678352 ディーエイチエーケー(カ)